

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/7/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T. -TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Đồng Nai.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2020 giữa các đương sự:

N đơn: Chị Nguyễn Yến N sinh năm 1990.

Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N. sinh năm 1995.

Nơi cư trú: khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, N đơn chị Nguyễn Yến N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 02/6/2017. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, N nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/6/2017, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, N đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt N đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị N thì sau khi chị và anh N chung sống với nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, N nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Do tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng hàn gắn nên chị xin được ly hôn với anh N. Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho chị N và anh N hàn gắn đoàn tụ nhưng chị N vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh N vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh N có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với chị N. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Chị N và anh N có 01 con chung là Nguyễn Quốc Đ,

sinh ngày 17/6/2017, ly hôn chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét chị N có công việc và thu nhập ổn định, cháu Đ hiện đang còn nhỏ nên giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị N trình bày chị và anh N không có tài sản chung; không có nợ chung, anh N không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn chị Nguyễn Yến N. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Yến N được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 17/6/2017 cho chị Nguyễn Yến N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, tạm thời anh Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn N được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp tại biên lai số 0003036 ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

Chị N, anh N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- VKS (2)
- THA DS (1)
- Lưu (6)
- Đương sự (2)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ngọc